TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **656**/2024/DS-PT
Ngày 25 - 12 - 2024
Về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4545/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 4992/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 5085/TB-TA ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: số H ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955. Địa chỉ: số E ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Quốc V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Văn phòng giao dịch huyện B – Công ty L5 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1956. Địa chỉ: số E ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Quốc V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Văn phòng giao dịch huyện B – Công ty L5 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Nhân chứng do ông Nguyễn Văn L tự triệu tập tại phiên tòa:

1/ Ông Võ Văn H2 (tên thường gọi Võ Văn H3), sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: số E ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Lê Văn C1, sinh năm 1946. (Có mặt)

Địa chỉ: số A ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Võ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn H là ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ông H là chủ sử dụng một phần thửa đất số 1342, tờ bản đồ số 01, diện tích 242,6m^2 tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số 975 QSDĐ/174 QĐ-UB ngày 24/5/1995 (diện tích trọn thửa 1342 là 1680m^2).

Qua đo đạc chính quy, ông Nguyễn Văn L là chủ sử dụng đất liền kề đã kê khai và đo nhập vào thửa 147, tờ bản đồ 20, quá trình đo đạc nhập thửa này ông H không hay biết do đây là ao trũng không sử dụng.

Đến năm 2020, ông Nguyễn Văn L làm hàng rào bao xung quanh phần đất trên nhập chung vào đất ông đang sử dụng, trong khi chưa gặp ông để trao đổi về

phần diện tích lấn chiếm do xây hàng rào như trên thì ông Nguyễn Văn L đến Ủy ban nhân dân xã Đ để lập thủ tục cấp quyền sử dụng thửa 147, tờ bản đồ 20 mà ông đã đăng ký trước đó, trong đó có phần đất ông H đứng tên chủ sử dụng. Do tình hình dịch bệnh covid-19 nên đến tháng 5/2022 ông H làm đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân xã Đ hòa giải yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả lại phần diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 147, tờ bản đồ 20 mà ông L đã kê khai và đo nhập trước đó, trường hợp ông L có nhu cầu sử dụng thì thỏa thuận với ông H theo hình thức bằng tiền nhưng ông L không đồng ý và không đưa ra lý do vì vậy cuộc hòa giải không thành.

Thửa đất số 1342, tờ bản đồ 01 có diện tích 1680m^2 do ông H trực tiếp quản lý sử dụng và đã được cấp quyền sử dụng đất, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên trước đó ông H đã chuyển nhượng 1335,1m^2 (theo số liệu đo đạc mới), diện tích còn lại khoảng 242,6m^2. Nay theo họa đồ thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo ngày 26/12/2023 có diện tích là 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) là ao trũng nên không thể sản xuất nay khoảng trên 15 năm, tuy nhiên việc tự ý kê khai đo nhập và đăng ký cấp quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn L là ông L cố tình bao chiếm đất của ông H.

Ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 phải giao trả lại cho ông Võ Văn H phần đất theo Họa đồ thửa đất ngày 26/12/2023 có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2), tọa lạc xã Đ, trên phần đất tranh chấp có hàng rào xung quanh do ông Lạc T xây dựng. Việc ông L tự ý lấn chiếm và xây hàng rào trên đất nên ông H yêu cầu ông L, bà H1 tự tháo dỡ trả đất; ông H không đồng ý bồi thường.

Còn riêng phần đất ở một phần thửa 295 (ký hiệu 295a, 295b) có diện tích 22,2m^2 do ông L xác định sai ranh qua đất của ông Huỳnh Văn H4 nên nay không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Hòa đồng Ý với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc họa đồ thửa đất và kết quả định giá để làm cơ sở giải quyết; không yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc và định giá lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Phần đất ông H yêu cầu chỉ đo và theo Họa đồ thửa đất ngày 26/12/2023 có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ 20 tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, phần đất này có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn K đưa vào tập đoàn A (ấp H) vào năm 1981, tập đoàn lấy cấp cho ông diện tích khoảng 925m^2 ông đã canh tác sử dụng đất ổn định và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSĐ) đất vào ngày 24/5/1995 thuộc thửa 1341 tờ bản đồ 03 và cũng thời điểm vào năm 1981 thì mẹ của ông là bà Nguyễn Thị Đ có mua thêm của ông K 02 bờ dừa và cho ông trực tiếp canh tác sử dụng cho đến năm 2010 ông thực hiện việc kê khai, đăng ký thêm phần đất này và yêu cầu cấp đổi phần đất được cấp sổ đỏ sang cấp sổ hồng (chính quy Vlap) thì ông Võ Văn H tranh chấp cho rằng phần đất ông đang trực tiếp sử dụng là đất của ông H có diện tích 242,6m^2, nay đo đạc theo họa đồ thửa đất ngày 26/12/2023 có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2), phần đất ông H tranh chấp với ông là ông đã trực tiếp sử dụng từ năm 1981 (43 năm) cho đến nay.

Phần đất ông sử dụng từ lâu có rất nhiều người biết và đồng ý xác nhận cho ông gồm có: ông Võ Văn H2; ông Lê Văn C1; ông Dương Văn N; ông Lê Văn G; ông Lê Hoàng O; bà Nguyễn Thị L1; ông Lê Văn M; ông Lê Văn Đ1; bà Trần Thị T1; bà Huỳnh Thị L2; ông Nguyễn Minh Q; Phạm Văn N1; ông Huỳnh Văn H5; bà Huỳnh Thị B (ông đã có cung cấp các giấy xác nhận của những người làm chứng này).

Đồng thời tại "Giấy bán đất ruộng" ngày 06/6/1999 ông Võ Văn H và bà Lê Thị T2 (vợ ông H) đã bán đất cho ông Huỳnh Văn H4, bà Nguyễn Thị C2, sau khi bán đất thì ông H còn ghi rõ ông H xài 03 cây bạch đằng, hoàn toàn ông H không thể hiện phần đất nào của ông H còn lại.

Ông hoàn toàn phản bác ý kiến của ông C nêu trong biên bản cho là ông lấn chiếm đất của ông H trong khi ông H thường xuyên ở địa phương, đất đã bán cho ông H4, bà C2 thì ông H còn đất ở đâu mà cho là ông lấn chiếm, trước khi đo thực hiện bán đất cho ông H4, bà C2 thì giữa ông và ông H đã trực tiếp xác định ranh giới, ông H không có phản ứng gì về ranh đất. Điều đáng nói hơn là vào ngày

28/11/2023 có đoàn đo đạc của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đến thực tế thửa đất tranh chấp để đo đạc theo quyết định xem xét thẩm định tại chổ của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, các bên được xác định chỉ đo phần đất tranh chấp thì ông H lúng túng, ấp úng do ông H không có sử dụng đất nên không biết đất đang tranh chấp với ông là ở đâu, vị trí nào. Còn việc ông làm hàng rào là từ năm 2016 chứ không phải năm 2020 như ông C trình bày như trên là không đúng.

Do vậy, việc ông H yêu cầu ông trả cho ông H phần đất có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ 20 tạo lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre là ông không đồng ý trả phần đất này cho ông H, ông yêu cầu Tòa án xem xét.

Còn riêng phần đất ở một phần thửa 295 (ký hiệu 295a, 295b) có diện tích 22,2 m^2 do xác định sai ranh qua đất của ông Huỳnh Văn H4 nên nay ông không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông đồng ý với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc họa đồ thửa đất và kết quả định giá để làm cơ sở giải quyết; không yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc và định giá lại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Bà đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn L và nay bà yêu cầu Tòa án xem xét, việc ông H yêu cầu bà và ông L trả cho ông H phần đất có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre thì bà không đồng ý trả phần đất này theo yêu cầu của ông H.

Còn riêng phần đất ở một phần thửa 295 (ký hiệu 295a, 295b) có diện tích 22,2 m^2 do ông L xác định sai ranh qua đất của ông Huỳnh Văn H4 nên nay bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà đồng ý với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc họa đồ thửa đất và kết quả định giá để làm cơ sở giải quyết; không yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc và định giá lại.

Người làm chứng là ông Võ Văn H2 (tên thường gọi Võ Văn H3), bà Huỳnh Thị B có ý kiến trình bày:

Phần đất ông H đang tranh chấp với ông L, bà H1 tại tòa hôm nay thì chúng tôi đều biết rõ là đất của ông L không phải đất của ông H, đất do ông L và bà H1 trực tiếp sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; Còn phần đất của ông H và bà Lê Thị T2 (vợ ông H) đã bán hết cho ông Huỳnh Văn H4, bà Nguyễn Thị C2. Sau khi bán đất thì ông H còn ghi rõ ông H sử dụng 03 cây bạch đằng, hoàn toàn không có nội dung thể hiện phần đất nào của ông H còn lại và khi đo thực hiện bán đất cho ông H4, bà C2 thì giữa ông L và ông H đã trực tiếp xác định ranh giới. (Giấy bán đất ruộng ngày 06/6/1999 là do ông H2 viết hộ cho ông H và ông H4, bà C2).

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 166, 170, 179 và 203 Luật Đất đai.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ giao trả cho ông H được quyền sử dụng đất theo họa đồ hiện trạng có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.(có họa đồ kèm theo)

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Võ Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ giao trả cho ông phần đất có diện

tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a diện tích 1,9m^2 ; 147b diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ số 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 không đồng ý kháng cáo của ông Võ Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn ông Võ Văn H kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn ông Võ Văn H kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Võ Văn H phần đất theo đo đạc có diện tích 211,3m^2 thuộc một phần thửa 147 (ký hiệu 147a: diện tích 1,9m^2; ký hiệu 147b: diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; trên đất tranh chấp có hàng rào xung quanh do ông L xây dựng. Ông H cho rằng ông L tự ý lấn chiếm và xây hàng rào trên đất nên ông H yêu cầu ông L, bà H1 tự tháo dỡ trả đất, ông H không đồng ý bồi thường; lời trình bày này của ông

H là không có cơ sở để chấp nhận; bởi lẽ về nguồn gốc đất thì phía bị đơn có chứng cứ chứng minh là các giấy xác nhận của: ông Võ Văn H2 ngày 22/5/2023; ông Lê Văn C1 ngày 26/5/2023; ông Dương Văn N ngày 26/5/2023; ông Lê Văn G ngày 24/5/2023; ông Lê Hoàng O ngày 22/5/2023; bà Nguyễn Thị L1; ông Lê Văn M ngày 20/5/2023; ông Lê Văn Đ2 ngày 25/5/2023; bà Trần Thị T1 ngày 24/5/2023; bà Huỳnh Thị L2 ngày 25/5/2023; ông Nguyễn Minh Q ngày 24/5/2023; Phạm Văn N1 ngày 26/5/2023; ông Huỳnh Văn H5 ngày 21/5/2023; bà Huỳnh Thị B ngày 21/5/2023 (Bút lục 44-59). Theo đó, phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn K đưa vào tập đoàn A (ấp H) vào năm 1981, tập đoàn R lấy cấp cho ông L diện tích khoảng 925 m^2, ông L đã canh tác sử dụng ổn định và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/5/1995 thuộc thửa 1341, tờ bản đồ số 03, cũng vào thời điểm năm 1981 mẹ của ông L là bà Nguyễn Thị Đ có mua thêm của ông K 02 bờ dừa và cho ông L trực tiếp canh tác sử dụng cho đến năm 2010, sau đó ông L thực hiện việc kê khai, đăng ký thêm phần đất này và yêu cầu cấp đổi phần đất được cấp sổ đỏ sang cấp sổ hồng (chính quy Vlap) thì ông Võ Văn H tranh chấp cho rằng phần đất ông L đang trực tiếp sử dụng là đất của ông H, nhưng phần đất trên ông L là người đã trực tiếp sử dụng từ năm 1981 cho đến nay.

[2] Theo "Giấy bán đất ruộng" ngày 06/6/1999 và trình bày của những người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm là ông Võ Văn H2 (thường gọi là Võ Văn H3), bà Huỳnh Thị B thì phần đất của ông Võ Văn H và bà Lê Thị T2 (vợ ông H) đã bán hết cho ông Huỳnh Văn H4, bà Nguyễn Thị C2. Sau khi bán đất thì ông H còn ghi rõ ông H sử dụng 03 cây bạch đằng, hoàn toàn không có nội dung thể hiện phần đất nào của ông H còn lại (Bút lục 11). Trước khi đo thực hiện bán đất cho ông H4, bà C2 thì giữa ông L và ông H đã trực tiếp xác định ranh giới, ông H không có phản ứng gì về ranh đất. Ông L làm hàng rào là từ năm 2016, ông H biết nhưng không phản đối. Ông H cho rằng ông không sử dụng, không kê khai phần đất nêu trên khoảng 15 năm nay là do ao trũng. Tuy nhiên, ông L trình bày, phần ao trên có ao trũng là do ông thuê người đào để lấy đất làm nền nhà vào năm 1981. Sau đó ông tiến hành bơm bùn lấp lại vào các năm 2015, 2017, 2020. Sự việc trên đã được xác

nhận của những người mà ông L đã thuê để thực hiện công việc nêu trên như ông Phạm Hoàng T3, Huỳnh Thanh T4, Trần Lộc T5, Phạm Văn L3, Lê Văn L4, Lê Văn P, Huỳnh Minh T6, Lê Quỳnh Đ3 (Bút lục 120-121). Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng cho ông L là ông Võ Văn H2 cũng xác nhận nội dung này. Phía nguyên đơn ông H cho rằng diện tích tranh chấp nêu trên là của ông H nhưng ông H không có ý kiến gì khi ông L tiến hành đào ao lấy đất làm nền nhà, lấp ao, xây dựng hàng rào mặc dù ông H có mặt tại nơi cư trú.

[3] Theo Công văn số: 373/CNTP-TTLT ngày 05/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Bến Tre (Bút lục 96) và Công văn số: 775/VPĐK –TTLT ngày 23/4/2024 của Văn phòng Đ4 (Bút lục 114) có nội dung: Tại thời điểm hiện tại, do thông tin hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của thửa đất số 1341 và 1342 đã bị thất lạc nên không thể cung cấp theo yêu cầu. Việc tham chiếu giữa bản đồ đo đạc 299 với bản đồ Vlap chính quy là không thể chồng ghép chính xác giữa hai loại bản đồ được mà chỉ mang tính chất tham khảo. Do đó, không thể xác định được số thửa đất Vlap từ số thửa 1341 và 1342, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Đ. Tuy nhiên, theo Họa đồ thửa đất 147, 295 tờ bản đồ số 20 ngày 26/12/2023 thì diện tích thửa 147 là trùng khớp với trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn L và các văn bản trình bày ý kiến mà đương sự đã cung cấp.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 trả cho ông H phần đất theo họa đồ hiện trạng có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre là có căn cứ. Nguyên đơn ông Võ Văn H kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm, do đó kháng cáo của ông H không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số

191/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Võ Văn H không được chấp nhận, nên ông Võ Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn H;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 191/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 166, 170, 179 và 203 Luật Đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ giao trả cho ông H được quyền sử dụng đất theo họa đồ hiện trạng có diện tích 211,3m^2 (ký hiệu 147a có diện tích 1,9m^2; 147b có diện tích 209,4m^2) tờ bản đồ 20 tọa lạc xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có hoạ đồ kèm theo)

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án đã tuyên.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn H nộp số tiền 5.147.000 đồng, ông H đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn H phải có nghĩa vụ nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000158 ngày 04 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm: Ông Võ Văn H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003473 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh **Phạm Thị Thu Trang** **Phạm Văn Ngọt**

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- Các đương sự (3b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt